

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 14-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Bà Hà Thị Cẩm Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 759/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thuận Y, sinh năm 1983; có đơn xin vắng mặt.

Cư trú tại: ấp P, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Lê Minh T, sinh năm 1986; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố A, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thuận Y trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã Trảng Bàng. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng với gia đình chị tại ấp P, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Chị kinh doanh buôn bán tại nhà, anh T làm tài xế xe container.

Quá trình chung sống vợ chồng chị nhiều lần mâu thuẫn nhau nguyên nhân là do anh T không lo kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc. Chị khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Tháng 7-2020, anh T tự ý bỏ nhà đi và vợ chồng tự ly thân đến nay. Khi ly thân, anh T vẫn làm tài xế xe container và cuối tuần thì anh T về nhà tại khu phố A, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh thoảng anh T mới về nhà chị tại ấp P để thăm các con. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 03 người con chung là cháu Lê Ngọc P, sinh ngày 07-01-2017, cháu Lê Nhật H, sinh ngày 17-10-2018 và cháu Lê Nhật V, sinh ngày 22-12-2019. Hiện tại, cháu P, cháu H và cháu V đang sống cùng với chị. Các cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, cháu H, cháu V, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu H và cháu V mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Lê Minh T đến Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh T vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thuận Y đối với anh Lê Minh T. Chị Y được ly hôn anh T.

Về con chung: giao chị Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc P, sinh ngày 07-01-2017, Lê Nhật H, sinh ngày 17-10-2018 và Lê Nhật V, sinh ngày 22-12-2019. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu H, cháu V theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Y và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và anh T phải chịu án phí về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thuận Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Y và anh T chung sống với nhau năm 2016, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y trình bày là do giữa vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh T không phụ giúp chị về kinh tế, không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc nên vợ chồng gây gổ nhau và đã tự ly thân từ tháng 7-2020 đến nay. Nay chị Y yêu cầu được ly hôn anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn cùng chị Y. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, chị Y đều giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, không muốn hàn gắn với anh T, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị Y và anh T đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T, cho chị Y được ly hôn anh T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

3.1. Chị Y và anh T có 03 người con chung là cháu Lê Ngọc P, sinh ngày 07-01-2017, cháu Lê Nhật H, sinh ngày 17-10-2018 và cháu Lê Nhật V, sinh ngày 22-12-2019. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P, cháu H, cháu V. Xét thấy, từ khi chị Y và anh T ly thân, chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, cháu H, cháu V, các cháu đều phát triển rất tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P, cháu H, cháu V cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.2. Xét yêu cầu của chị Y về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu H, cháu V mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại chị Y đang kinh doanh quán ăn, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng, việc một mình chị Y nuôi cả 03 con chung với mức thu nhập của chị Y thì không thể đáp ứng đủ nhu cầu cơ bản về đời sống vật chất của 03 đứa trẻ. Vì vậy, việc chị Y yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là yêu cầu chính đáng. Mặt khác, việc buộc anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là việc gắn kết trách nhiệm và nghĩa vụ của anh T đối với các con.

Về mức cấp dưỡng: chị Y trình bày anh T hiện đang làm tài xế, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; qua kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh T có nghề nghiệp tài xế nhưng không thể hiện được mức thu nhập của anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt nên không thể hiện được thu nhập và ý kiến của anh T về mức cấp dưỡng mà chị Y đã yêu cầu. Do đó, nhằm đảm bảo việc phù hợp với khả năng thực tế của anh T, Hội đồng xét xử chỉ buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu H, cháu V mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng là đúng quy định của pháp luật theo Điều 82, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Y và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí:

Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thuận Y đối với anh Lê Minh T.

Chị Lê Thuận Y được ly hôn anh Lê Minh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Ngọc P, sinh ngày 07-01-2017, cháu Lê Nhật H, sinh ngày 17-10-2018 và cháu Lê Nhật V, sinh ngày 22-12-2019 cho chị Lê Thuận Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Ngọc P, sinh ngày 07-01-2017, cháu Lê Nhật H, sinh ngày 17-10-2018 và cháu Lê Nhật V, sinh ngày 22-12-2019 mỗi cháu 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P, cháu H, cháu V thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Y và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: chị Lê Thuận Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015011 ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: chị Y, anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư